

Số: **1266**/QĐ-UBND

Hà Nam, ngày **24** tháng 8 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Nam

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 13/2014/QĐ - UBND ngày 01 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam ban hành Quy chế phối hợp trong việc công bố, niêm yết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Nam;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (tại Tờ trình số 200/TTTr-SNN&PTNT ngày 16 tháng 8 năm 2016) và Giám đốc Sở Tư pháp (tại Tờ trình số 69/STP-KSTT ngày 12 tháng 8 năm 2016),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Hà Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC - Bộ Tư pháp (để b/c);
- TTTU, TT HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- Đài PTTH Hà Nam, Báo Hà Nam, Cổng TTĐT tỉnh;
- VPUB: LĐVP(3), NC, CB-TH;
- Lưu: VT, NC(H).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Quang Cẩm

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH HÀ NAM**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1266/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2016
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Stt	Tên thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Thú y
1	Cấp chứng chỉ hành nghề thú y
2	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y
3	Đăng ký cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn
4	Cấp chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi tập trung; cơ sở giết mổ động vật tập trung; cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ; kho lạnh bảo quản động vật tươi sống, sơ chế, chế biến bảo quản sản phẩm động vật; cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; khu cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, cơ sở thu gom động vật, sản phẩm động vật; cơ sở xét nghiệm, chuẩn đoán bệnh động vật.
5	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y, thú y thủy sản.

II. Danh mục thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Stt	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính
I	Lĩnh vực Thú y	
6	Cấp chứng chỉ hành nghề Kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y	- Luật Thú y 79/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 19/6/2015;
7	Cấp chứng chỉ hành nghề xét nghiệm bệnh, phẫu thuật động vật	- Nghị định số: 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;
8	Đăng ký xây dựng vùng an toàn dịch bệnh, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	- Thông tư số: 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT Quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y;
9	Cấp chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi tập trung, cơ sở sản xuất con giống; cơ sở giết mổ động vật, cơ sở sơ chế, bảo quản sản phẩm động vật; khu cách ly kiểm dịch, nơi tập trung động vật, sản phẩm động vật; cửa hàng kinh doanh động vật, sản phẩm động vật do địa phương quản lý	- Thông tư số: 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định về

10	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y, thú y thủy sản.	quản lý thuốc thú y; - Thông tư số: 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh.
----	--	---

B. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

I. Lĩnh vực Thú y

1. Cấp chứng chỉ hành nghề thú y

Trình tự thực hiện	a) Cá nhân có nhu cầu được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y nộp hồ sơ đến Chi cục Thú y (qua Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp & PTNT: trực tiếp hoặc qua mạng); b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thú y tiếp nhận hồ sơ quyết định việc cấp Chứng chỉ hành nghề thú y.
Cách thức thực hiện	- Nộp trực tiếp tại Sở Nông nghiệp & PTNT; - Gửi qua phần mềm dịch vụ hành chính công.
Hồ sơ	1) Thành phần hồ sơ, bao gồm: a) Đơn đăng ký; b) Văn bằng, chứng chỉ chuyên môn phù hợp với từng loại hình hành nghề thú y; c) Giấy chứng nhận sức khỏe; d) Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân. Đối với người nước ngoài, ngoài những quy định tại các điểm a, b và c khoản này còn phải có lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền xác nhận; e) 02 ảnh 4x6. 2) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
Thời hạn giải quyết	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.
Cơ quan thực hiện TTHC	+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Chi cục Thú y; + Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không ; + Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thú y; + Cơ quan phối hợp (nếu có): không.
Đối tượng thực hiện TTHC	- Cá nhân hành nghề thú y; - Tổ chức hành nghề thú y.
Mẫu đơn, tờ khai hành chính	Phụ lục 2, Đơn đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề thú y (Kèm theo Nghị định số: 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính

	phù quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y).
Phí, lệ phí	Mức phí: 100.000 đồng, Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu phí, nộp quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Chứng chỉ hành nghề thú y (có giá trị 05 năm).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<p>Điều 21, Nghị định số: 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người hành nghề chẩn đoán, chữa bệnh, phẫu thuật động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y tối thiểu phải có bằng trung cấp chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc trung cấp nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thủy sản. Người hành nghề tiêm phòng cho động vật phải có chứng chỉ tốt nghiệp lớp đào tạo về kỹ thuật do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp tỉnh cấp; - Người phụ trách kỹ thuật của cơ sở phẫu thuật động vật, khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật phải có bằng Đại học trở lên chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thủy sản; - Người buôn bán thuốc thú y phải có bằng trung cấp trở lên chuyên ngành thú y, chăn nuôi thú y hoặc trung cấp nuôi trồng thủy sản, bệnh học thủy sản đối với hành nghề thú y thủy sản;
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y 79/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 19/6/2015; - Nghị định số: 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y; - Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu phí, nộp quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.

Đơn đăng ký cấp chứng chỉ hành nghề thú y

(Ban hành kèm theo Nghị định số: 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y**

Kính gửi: Chi cục Thú y tỉnh Hà Nam

Tên tôi là:

Ngày tháng năm sinh:

Địa chỉ thường trú:

Bằng cấp chuyên môn:

Ngày cấp:

Nay đề nghị Quý cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề:

- Tiêm phòng, chữa bệnh, tiểu phẫu (thiến, cắt đuôi) động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y.
- Khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật.
- Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.
- Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.

Tại:

.....

Địa chỉ hành nghề:

.....

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm túc những quy định của pháp luật và của ngành thú y.

(*Ghi chú:* Nộp 02 ảnh 4x6)

....., ngày..... tháng năm 20....

Người đứng đơn

Ký

(Ghi rõ họ tên)

2. Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y

Trình tự thực hiện	a) Cá nhân có nhu cầu gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y nộp hồ sơ đến Chi cục Thú y (qua Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp & PTNT: trực tiếp hoặc qua mạng) trước khi hết hạn 30 ngày; b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thú y tiếp nhận hồ sơ quyết định việc gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y.
Cách thức thực hiện	- Nộp trực tiếp tại Sở Nông nghiệp & PTNT; - Gửi qua phần mềm dịch vụ hành chính công.
Hồ sơ	1) Thành phần hồ sơ, bao gồm: a) Đơn đăng ký gia hạn; b) Chứng chỉ hành nghề thú y đã được cấp; c) Giấy chứng nhận sức khỏe; d) 02 ảnh 4x6. 2) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
Thời hạn giải quyết	02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

Cơ quan thực hiện TTHC	+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Chi cục Thú y; + Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không ; + Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thú y; + Cơ quan phối hợp (nếu có): không;
Đối tượng thực hiện TTHC	- Cá nhân hành nghề thú y; - Tổ chức hành nghề thú y.
Mẫu đơn, tờ khai hành chính	Phụ lục 2, Đơn đăng ký cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y (Ban hành kèm theo Nghị định số: 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y).
Phí, lệ phí	Không thu
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Chứng chỉ hành nghề thú y (có giá trị 05 năm).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Chứng chỉ hành nghề thú y đã được Chi cục thú y cấp
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Thú y 79/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 19/6/2015; - Nghị định số: 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y.

Đơn đăng ký cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề thú y

(Ban hành kèm theo Nghị định số: 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐĂNG KÝ
GIA HẠN CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ THÚ Y**

Kính gửi: Chi cục Thú y tỉnh Hà Nam

Tên tôi là:

Ngày tháng năm sinh:

Địa chỉ thường trú:

Bằng cấp chuyên môn:

Đã được Chi cục... cấp Chứng chỉ hành nghề thú y:

- Tiêm phòng, chữa bệnh, tiểu phẫu (thiến, cắt đuôi) động vật, tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y.
- Khám bệnh, chẩn đoán bệnh, phẫu thuật động vật, xét nghiệm bệnh động vật.
- Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật trên cạn.

Buôn bán thuốc thú y dùng trong thú y cho động vật thủy sản.

Tại:

Số CCHN:

Ngày cấp:

Nay đề nghị Quý Chi cục cấp gia hạn Chứng chỉ hành nghề trên.

Gửi kèm Chứng chỉ hành nghề hết hạn và 02 ảnh 4x6.

....., ngày..... tháng năm 20....

Người đứng đơn

Ký

(Ghi rõ họ tên)

3. Đăng ký cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn

Trình tự thực hiện	<p>- Chủ cơ sở lập hồ sơ đăng ký chứng nhận an toàn dịch bệnh nộp hồ sơ đến Chi cục Thú y (qua Bộ phận một cửa Sở Nông nghiệp & PTNT: trực tiếp hoặc qua mạng);</p> <p>- Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ, Chi cục Thú y kiểm tra tính hợp lệ và thẩm định nội dung của hồ sơ:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thú y thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá (sau đây gọi chung là Đoàn đánh giá) và thông báo kế hoạch kiểm tra, đánh giá cho cơ sở.2. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Thú y thông báo bằng văn bản cho cơ sở để sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện.
Cách thức thực hiện	<p>- Nộp trực tiếp tại Sở Nông nghiệp & PTNT;</p> <p>- Gửi qua phần mềm dịch vụ hành chính công.</p>
Hồ sơ	<ol style="list-style-type: none">1) Thành phần hồ sơ, bao gồm:<ol style="list-style-type: none">a) Đơn đăng ký (<i>Phụ lục VIa</i>);b) Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (<i>Phụ lục IIa</i>);c) Báo cáo kết quả giám sát được thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số: 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh;d) Bản sao kết quả kiểm tra, phân loại cơ sở còn hiệu lực (nếu có) theo quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm;đ) Bản sao Giấy chứng nhận VietGAHP.

	2) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).
Thời hạn giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Trong thời hạn 03 ngày kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ và thẩm định nội dung; - Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Đoàn đánh giá, Đoàn đánh giá phải thực hiện kiểm tra, đánh giá tại cơ sở; - Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra tại cơ sở hoặc kể từ ngày nhận kết quả xét nghiệm bệnh theo quy định tại khoản 3 Điều 30 của Thông tư số: 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016, Chi cục Thú y cấp Giấy chứng nhận cho cơ sở đạt yêu cầu; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận, Cơ quan thú y phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do và hướng dẫn cơ sở khắc phục các nội dung chưa đạt yêu cầu.
Cơ quan thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none"> + Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Chi cục Thú y; + Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không; + Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thú y; + Cơ quan phối hợp (nếu có): không.
Đối tượng thực hiện TTHC	Cá nhân
Mẫu đơn, tờ khai hành chính	<ul style="list-style-type: none"> a) Đơn đăng ký (<i>Phụ lục VIa</i>); b) Báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn (<i>Phụ lục IIa</i>); c) Báo cáo kết quả giám sát được thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Thông tư số: 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh; d) Bản sao kết quả kiểm tra, phân loại cơ sở còn hiệu lực (nếu có) theo quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định việc kiểm tra cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và kiểm tra, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm; đ) Bản sao Giấy chứng nhận VietGAHP.
Phí, lệ phí	Không thu
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh (thời hạn 5 năm)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không

Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y 79/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 19/6/2015; - Thông tư số: 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT Quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh.
--------------------------------	--

PHỤ LỤC IIA: MẪU báo cáo điều kiện cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng..... năm

**BÁO CÁO ĐIỀU KIỆN
CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN**

Kính gửi: Chi cục Thú y tỉnh Hà Nam

Họ và tên chủ cơ sở chăn nuôi:

Địa chỉ: Điện thoại:

1. Mô tả vị trí địa lý

- Tổng diện tích đất tự nhiên.

- Vùng tiếp giáp xung quanh.

.....
.....

2. Cơ sở vật chất

- Hàng rào (tường) ngăn cách: Có. . . . Không

- Khu hành chính gồm: Phòng thường trực Có Không

Phòng giao dịch: Có Không

- Khu chăn nuôi: Ví dụ: Số nhà nuôi lợn nái Tổng diện tích

Số nhà nuôi lợn đực giống Tổng diện tích

Số nhà nuôi lợn thịt, lợn choai . . . Tổng diện tích.....

- Khu nhà kho: Có kho thức ăn riêng biệt với diện tích

Có kho chứa dụng cụ, phương tiện chăn nuôi với diện tích

- Khu xử lý chất thải: Bể hoặc nơi tập trung chất thải: Có Không.

(Nếu có mô tả hệ thống xử lý chất thải)

.....

.....

- Khu cách ly: Cách ly gia súc mới nhập: Có Không. . . .

Cách ly gia súc bệnh: Có. . . .Không. . . .

(Nếu có mô tả quy mô, khoảng cách với khu khác).

.....
.....

- Khu tiêu hủy gia súc bệnh: Có. . . .Không

- Quần áo, ủng, mũ dùng trong khu chăn nuôi: Có Không

- Phòng thay quần áo: Có. . . .Không

- Phòng tắm sát trùng trước khi vào khu chăn nuôi: Có. . . . Không. . . .

(Nếu có mô tả phòng tắm, hoá chất sát trùng).

.....
.....

- Hồ sát trùng ở cổng trước khi vào trại: Có. . . . Không

(Nếu có mô tả, hoá chất sát trùng).

.....
.....

3. Quy mô, cơ cấu đàn, sản phẩm, sản lượng

- Quy mô: Tổng đàn:

- Cơ cấu đàn: Ví dụ: Lợn nái con

Lợn đực giốngcon

Lợn con theo mẹ: sơ sinh đến khi cai sữa (theo mẹ).

Lợn con > 2 tháng đến < 4 tháng (lợn choai):

Lợn thịt > 4 tháng:

- Sản phẩm bán ra: (loại gia súc gì).

- Sản lượng hàng năm đối với mỗi loại sản phẩm:

.....
.....

4. Nguồn nhân lực..

- Người quản lý:

- Số công nhân chăn nuôi: Số được đào tạoSố chưa được đào tạo . .

- Cán bộ thú y chuyên trách hay kiêm nhiệm, trình độ?

.....

15. Hệ thống quản lý chăn nuôi

- Gồm những giống gia súc gì ? nhập từ đâu?

.....

- Nguồn thức ăn tổng hợp? tự chế biến ? thức ăn xanh?

.....

- Nguồn nước uống: nước máy, giếng khoan, nước tự nhiên?

.....

- Chăm sóc quản lý: Sử dụng loại máng ăn, máng uống, g thời gian cho ăn, số lần trong ngày, thời gian tắm.

Hệ thống ghi chép: lý lịch gia súc, ngày phối, ngày đẻ, số con sinh ra, tỷ lệ nuôi sống, ngày chu chuyển đàn,

.....

.....

- Chế độ vệ sinh chuồng trại trong ngày, trong tuần, tháng làm gì?

.....

.....

- Quy trình chăn nuôi đối với từng lứa tuổi, loại động vật: Có. .. Không

(nếu có cung cấp bản photo kèm theo)

- Nội quy ra vào trại: Có. . . . Không

(Nếu có photo kèm theo)

- Chế độ tiêm phòng: Loại vắc-xin, thời gian tiêm?

.....

.....

- Nơi tiêu thụ sản phẩm: Bán cho Công ty hoặc xí nghiệp nào?

.....

- Tình hình chăn nuôi khu vực xung quanh bán kính cách trại 1 km: Người dân xung quanh chăn nuôi chủ yếu là con gì? ước tính số lượng mỗi loài, quy mô và phương thức chăn nuôi?

.....

.....

6. Tình hình dịch bệnh ở trại trong 12 tháng qua

- Tình hình dịch bệnh động vật tại trại?

.....

.....

- Công tác tiêm phòng hàng năm, đại trà, bổ sung, số lượng, tỷ lệ tiêm mỗi loại bệnh.

.....

.....

- Kết quả thực hiện giám sát dịch bệnh động vật tại trại?

.....

.....
- Tủ thuốc thú y gồm các loại thuốc, dụng cụ gì? Trị giá bao nhiêu?
.....
.....

....., ngày tháng năm
Chủ cơ sở

Ghi chú:

Nếu có hoặc không đánh dấu " v "

PHỤ LỤC VIA: Mẫu đơn đăng ký cơ sở an toàn dịch bệnh động vật

(Ban hành kèm theo Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ

CHỨNG NHẬN CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT

Kính gửi: Chi cục Thú y tỉnh Hà Nam

1. Tên cơ sở:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: Email:.....

2. Tên chủ cơ sở:

Địa chỉ thường trú:

Điện thoại: Fax: Email:.....

3. Đăng ký chứng nhận: Lần đầu Đánh giá lại

Cấp lại Bổ sung

Cấp đổi

Lý do khác:

(ghi cụ thể lý do đối với trường hợp Cấp đổi:

.....)

4. Loại hình hoạt động: Sản xuất giống Nuôi thương phẩm Làm cảnh

5. Thị trường tiêu thụ: Nội địa Xuất khẩu Cả nội địa, xuất khẩu

6. Cơ sở đăng ký chứng nhận an toàn đối với bệnh

trên đối tượng.....

7. Hồ sơ đăng ký gồm: (Liệt kê thành phần hồ sơ theo quy định).

Người làm đơn
(ký tên, đóng dấu) (*)

(*) Ghi rõ họ tên, đóng dấu (đối với cơ sở có sử dụng dấu)

4. Cấp chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y đối với cơ sở chăn nuôi tập trung; cơ sở giết mổ động vật tập trung; cơ sở sơ chế, chế biến, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; cơ sở giết mổ động vật nhỏ lẻ; kho lạnh bảo quản động vật tươi sống, sơ chế, chế biến bảo quản sản phẩm động vật; cơ sở ấp trứng, sản xuất, kinh doanh con giống; khu cách ly kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, cơ sở thu gom động vật, sản phẩm động vật; cơ sở xét nghiệm, chuẩn đoán bệnh động vật.

Trình tự thực hiện	<ul style="list-style-type: none">- Chủ cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận VSTY cho Chi cục Thú y (qua Bộ phận một cửa của Sở Nông nghiệp & PTNT: trực tiếp hoặc qua mạng)- Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Chi cục Thú y thực hiện kiểm tra hồ sơ và tổ chức đi kiểm tra thực tế điều kiện VSTY tại cơ sở, cấp Giấy chứng nhận VSTY nếu đủ điều kiện. Trường hợp không cấp Giấy chứng nhận VSTY thì phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do và hẹn lịch tổ chức kiểm tra lại.
Cách thức thực hiện	<ul style="list-style-type: none">- Nộp trực tiếp tại Sở Nông nghiệp & PTNT;- Gửi qua phần mềm dịch vụ hành chính công.
Hồ sơ	<p>1) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y theo Mẫu 01 của Phụ lục II, ban hành kèm theo Thông tư số 09/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về Quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y;b) Bản chính Mô tả tóm tắt về cơ sở theo Mẫu số 02 của Phụ lục II, ban hành kèm theo Thông tư số 09/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016. <p>2) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>
Thời hạn giải quyết	06 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ
Cơ quan thực hiện TTHC	<ul style="list-style-type: none">+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Chi cục Thú y+ Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thú y+ Cơ quan phối hợp (nếu có): không
Đối tượng thực hiện	Cá nhân

TTHC	
Mẫu đơn, tờ khai hành chính	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn đề nghị cấp/cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y theo (Mẫu 01 của Phụ lục II) ban hành kèm theo Thông tư số 09/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016; - Bản chính Mô tả tóm tắt về cơ sở theo (Mẫu số 02 của Phụ lục II) ban hành kèm theo Thông tư số 09/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 6 năm 2016.
Phí, lệ phí	Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu phí, nộp quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận điều kiện về sinh thú y (có hiệu lực trong thời gian 03 năm)
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	Không
Căn cứ pháp lý của TTHC	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thú y 79/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 19/6/2015; - Thông tư số: 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT Quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y; - Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu phí, nộp quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.

Phụ lục II : Hồ sơ kiểm tra về sinh thú y

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09 /2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Mẫu 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP/CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐIỀU KIỆN VỆ SINH THÚ Y

Kính gửi: Chi cục Thú y tỉnh Hà Nam

Cơ sở; được thành lập ngày:.....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Giấy đăng ký hộ kinh doanh/Giấy đăng ký kinh doanh số:; ngày cấp:.....đơn vị cấp:..... (đối với doanh nghiệp);

Hoặc Quyết định thành lập đơn vị số.....ngày cấp.....; Cơ quan ban hành Quyết định.....

Lĩnh vực hoạt động:.....
 Công suất sản xuất/năng lực phục vụ:.....
 Số lượng công nhân viên:..... (cố định:.....; thời
 vụ:.....)
 Đề nghị (tên cơ quan kiểm tra) cấp/cấp lại Giấy chứng nhận
 điều kiện vệ sinh thú y cho cơ sở.
 Lý do cấp/cấp lại:
 Cơ sở mới thành lập Thay đổi thông tin đăng ký kinh doanh Giấy chứng nhận
 ĐKVSTY hết hạn

Xin trân trọng cảm ơn./.

CHỦ CƠ SỞ
 (Ký tên & đóng dấu)

Gửi kèm gồm:

- Bản mô tả tóm tắt về cơ sở (Mẫu số 02).

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu: 02

....., ngày..... tháng..... năm.....

MÔ TẢ TÓM TẮT VỀ CƠ SỞ

I- THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở:.....
2. Mã số (nếu có):.....
3. Địa chỉ:.....
4. Điện thoại:..... Fax: Email:.....
5. Năm bắt đầu hoạt động:.....
6. Số đăng ký, ngày cấp, cơ quan cấp đăng ký kinh doanh:.....
7. Công suất thiết kế:.....

II. TÓM TẮT HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ

1. Nhà xưởng, trang thiết bị

- Tổng diện tích các khu vực sản xuất, kinh doanh m², trong đó:
- + Khu vực tiếp nhận nguyên liệu đầu vào: m²
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh : m²
- + Khu vực / kho bảo quản thành phẩm: m²
- + Khu vực sản xuất, kinh doanh khác : m²
- Sơ đồ bố trí mặt bằng của cơ sở:

2. Trang thiết bị chính:

Tên thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Tổng công suất	Năm bắt đầu sử dụng

3. Hệ thống phụ trợ

- Nguồn nước đang sử dụng:

Nước máy công cộng

Nước giếng khoan

Hệ thống xử lý:

Có

Không

Phương pháp xử lý:

4. Hệ thống xử lý chất thải

Cách thức thu gom, vận chuyển, xử lý:

5. Người sản xuất, kinh doanh :

- Tổng số: người, trong đó:

+ Lao động trực tiếp:người.

+ Lao động gián tiếp:người.

- Kiểm tra sức khỏe người trực tiếp sản xuất, kinh doanh:

6. Vệ sinh nhà xưởng, trang thiết bị

- Tần suất làm vệ sinh:

- Nhân công làm vệ sinh: người; trong đó của cơ sở và đi thuê ngoài.

7. Danh mục các loại hóa chất, khử trùng sử dụng:

Tên hóa chất	Thành phần chính	Nước sản xuất	Mục đích sử dụng	Nồng độ

8. Hệ thống quản lý chất lượng đang áp dụng (HACCP, ISO,.....)

9. Những thông tin khác

Chúng tôi cam kết các thông tin nêu trên là đúng sự thật./.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

5. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y, thú y thủy sản.

Trình tự thực hiện	<p>- Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc thú y nộp hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y đến Chi cục Thú y (qua Bộ phận một cửa của Sở Nông nghiệp & PTNT: trực tiếp hoặc qua mạng);</p> <p>b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thú y kiểm tra điều kiện của cơ sở buôn bán thuốc thú y. Nếu đủ điều kiện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc việc kiểm tra cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y;</p>
Cách thức thực hiện	<p>- Nộp trực tiếp tại Sở Nông nghiệp & PTNT;</p> <p>- Gửi qua phần mềm dịch vụ hành chính công.</p>

Hồ sơ	<p>1) Thành phần hồ sơ, bao gồm:</p> <p>a) Đơn đăng ký;</p> <p>b) Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật;</p> <p>c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp;</p> <p>d) Chứng chỉ hành nghề thú y.</p> <p>2) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).</p>
Thời hạn giải quyết	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ
Cơ quan thực hiện TTHC	<p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chi cục Thú y;</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): không;</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Chi cục Thú y;</p> <p>d) Cơ quan phối hợp (nếu có): không;</p>
Đối tượng thực hiện TTHC	<p>- Cá nhân buôn bán thuốc thú y;</p> <p>- Tổ chức buôn bán thuốc thú y.</p>
Mẫu đơn, tờ khai hành chính	<p>- Phụ lục XX: Mẫu đơn đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y,</p> <p>- Phụ lục XXII: Bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán thuốc thú y.</p> <p>(Ban hành kèm theo Thông tư 13 /2016/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).</p>
Phí, lệ phí	Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu phí, nộp quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.
Kết quả của việc thực hiện TTHC	Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc thú y (có giá trị trong thời hạn 05 năm).
Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC	<p>Điều kiện buôn bán thuốc thú y quy định tại Điều 17 của Nghị định số: 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Có địa điểm kinh doanh cố định và biển hiệu; 2. Có tủ, kệ, giá để chứa đựng các loại thuốc phù hợp; 3. Có trang thiết bị bảo đảm điều kiện bảo quản thuốc theo quy định; 4. Có sổ sách, hóa đơn chứng từ theo dõi xuất, nhập hàng; 5. Đối với cơ sở buôn bán vắc xin, chế phẩm sinh học phải có tủ lạnh, tủ mát hoặc kho lạnh để bảo quản theo điều kiện bảo quản ghi trên nhãn; có nhiệt kế để kiểm tra điều kiện bảo quản. Có máy phát điện dự phòng, vật dụng, phương tiện vận chuyển phân phối vắc xin.
Căn cứ pháp lý của TTHC	- Luật Thú y 79/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 19/6/2015;

	<p>- Nghị định số: 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;</p> <p>- Thông tư số 04/2012/TT-BTC ngày 05/01/2012 của Bộ Tài chính về việc quy định chế độ thu phí, nộp quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y;</p> <p>- Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp & PTNT quy định về quản lý thuốc thú y.</p>
--	--

Phụ lục XX: Mẫu đơn đăng ký, gia hạn kiểm tra điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ KIỂM TRA

ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y

Kính gửi: Chi cục Thú y tỉnh Hà Nam

Căn cứ Thông tư 13/2009/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc thú y

Tên cơ sở:

Địa chỉ cơ sở:

Số điện thoại:..... Fax:

Chủ cơ sở:

Địa chỉ thường trú:

Các loại sản phẩm kinh doanh:

Thuốc dược phẩm Vắc xin, Chế phẩm sinh học

Hoá chất Các loại khác

Đề nghị quý đơn vị tiến hành kiểm tra cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y cho cơ sở chúng tôi.

Hồ sơ gửi kèm (đối với đăng ký kiểm tra lần đầu):

- a) Đơn đăng ký kiểm tra điều kiện buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y;
- b) Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y
- c) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản chính hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận doanh nghiệp có đăng ký)
- d) Chứng chỉ hành nghề buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y (bản chính hoặc bản sao có

đóng dấu xác nhận doanh nghiệp có đăng ký)

Hà Nam, ngày..... tháng..... năm.....

Đại diện cơ sở

(ký tên và đóng dấu nếu có)

Ghi chú: (1) Gửi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở buôn bán thuốc thú y; gửi Cục Thú y nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở nhập khẩu thuốc thú y

Phụ lục XXII: Mẫu biên bản thuyết minh chi tiết về cơ sở vật chất, kỹ thuật buôn bán, nhập khẩu thuốc thú y

(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN THUYẾT MINH CHI TIẾT VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, KỸ THUẬT
BUÔN BÁN, NHẬP KHẨU THUỐC THÚ Y**

Kính gửi: Chi cục Thú y tỉnh Hà Nam

Tên cơ sở đăng ký kiểm tra:

Địa chỉ:

Số điện thoại: Fax: Email:

Loại hình đăng ký kinh doanh:

Xin giải trình điều kiện kinh doanh thuốc thú y, cụ thể như sau:

1. Cơ sở vật chất: (mô tả kết cấu, diện tích qui mô cơ sở /cửa hàng, các khu vực trưng bày/ bày bán)

.....
.....
.....

2. Trang thiết bị: (nêu đầy đủ tên, số lượng thiết bị phục vụ bảo quản thuốc thú y như tủ, quầy, kệ, âm kế, nhiệt kế, tủ lạnh,.....)

.....
.....
.....

3. Hồ sơ sổ sách: (GCN đăng ký kinh doanh, chứng chỉ hành nghề, sổ sách theo dõi mua bán hàng, ...)

.....
.....

4. Danh mục các mặt hàng kinh doanh tại cơ sở /cửa hàng

.....
.....

Hà Nam, ngày.....tháng.....năm.....

Chủ cơ sở đăng ký kiểm tra

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú: (1) Gửi cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở buôn bán thuốc thú y; gửi Cục Thú y nếu cơ sở đăng ký kiểm tra là cơ sở nhập khẩu thuốc thú y.

www.LuatVietnam.vn